

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **74/2019/HNGĐ-ST**

Ngày 28/06/2019.

V/v “*Tranh chấp ly hôn và con chung*”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thanh Thảo.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Ông **Nguyễn Thành Thái.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 28 tháng 06 năm 2019 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 155/2019/TLST-HNGĐ, ngày 08/04/2019, về vụ “*Tranh chấp về ly hôn và con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03/06/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 42/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 20/06/2019 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Đ**, sinh năm: 1988. Địa chỉ: Số 01/129 LTh, xã LH, huyện CG, Thành phố H C M (*Có mặt*).

* Bị đơn: Anh **Trương Thái Ng**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ 12, ấp Ph T, xã MPh, huyện H Đ, tỉnh K G (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày như sau:**

- *Về hôn nhân:* Đầu năm 2009 chị và anh Ng tự nguyện yêu thương nhau được hai bên gia đình đồng ý nên đi đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được UBND xã Long Hòa, huyện Cần Giờ, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 03/8/2009. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có với nhau 01 người con chung. Sau khi sinh con thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau. Đến năm 2010 thì anh Ng bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang sinh sống và cũng đó cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh Ng không liên lạc, thăm hỏi gì đến mẹ con chị. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Ng.

- *Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:* Anh chị có 01 người con chung tên Trương Thái B, sinh ngày 17/04/2009. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B và không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn anh Trương Thái Ng:** Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Ng như Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật nhưng anh Ng không đến Tòa án nên không có lời khai.

Tại phiên tòa:

- Chị Đ giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng: Anh Trương Thái Ng là bị đơn trong vụ đã được triệu tập họp lệ 02 lần nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Ng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Đ và anh Ng tự tìm hiểu thương yêu nhau đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn thường xuyên cự cãi nhau do giữa anh chị bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Anh chị đã sống ly thân nhau hơn 10 năm nay. Nay chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Ng. Hội đồng xét xử xét thấy: Yêu cầu của chị Đ xin ly hôn với anh Ng là có cơ sở chấp nhận. Vì theo như chị Đ trình bày từ năm 2010 chị và anh Ng ly thân cho đến nay thì vợ chồng không ai còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau cũng như những nghĩa vụ sống chung với nhau. Hội đồng xét xử, xét thấy, tại bản tự của ông Trương Sơn L (cha ruột của anh Ng) ngày 31/05/2019 khai nhận: “*Chị Đ và anh Ng đã không còn chung sống với nhau nhiều năm nay*”. Đồng thời, tại phiên tòa hôm nay chị Đ vẫn cương quyết xin ly hôn với anh Ng. Từ đó, có căn cứ cho rằng hôn nhân giữa chị Đ và anh Ng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

- *Về con chung* Anh chị có 01 người con chung tên Trương Thái B, sinh ngày 17/04/2009. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu B. Xét thấy, hiện nay chị Đ là người đang nuôi dưỡng cháu B và tại bản tự khai cháu B có ý kiến là muốn sống với mẹ. Do đó, cần giao 01 con chung là cháu B cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp. Trong thời gian chị Đ nuôi dưỡng cháu 01 con chung thì anh Ng được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị Đ không yêu cầu anh Ng phải cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị khai nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí*: Căn cứ quy định tại điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự và Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc Trần Thị Đ phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 56; Điều 57; Điều 81 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Đ.

1. Về Hôn nhân: Chị Trần Thị Đ được ly hôn với anh Trương Thái Ng.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Trương Thái B, sinh ngày 17/04/2009 cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng. Trong thời gian chị Đ nuôi dưỡng cháu 01 con chung thì anh Ng được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Không xét.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Buộc chị Trần Thị Đ phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Đ đã nộp theo biên lai thu số: 0002233 ngày 02/04/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang (chị Đ đã nộp xong).

5. Quyền kháng cáo: Chị Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Ng có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.